

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SƠN ĐỘNG  
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2025/HS-ST

Ngày: 18-6-2025

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hiếu.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Bắc - Giáo viên nghỉ hưu.

Bà Hoàng Thị Chung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2025/TLST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/HSST-QĐ ngày 05 tháng 06 năm 2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phùng Minh T**, sinh năm ngày 18/5/2007; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn N, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Chức vụ, đoàn thể, Đảng phái: Không; Con ông: Phùng Văn S, sinh năm 1982 và bà: Hoàng Thị L, sinh năm 1983; Vợ, con: Chưa có; Anh chị em ruột: Bị cáo có 02 anh em ruột, bản thân là thứ nhất trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 16/12/2024 đến ngày 25/12/2024 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh, hiện tại ngoại tại địa phương. (Có mặt tại phiên tòa).

**Người đại diện hợp pháp của bị cáo:**

1. Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1983. (Có mặt).

Nơi cư trú: Thôn N - T - S - Bắc Giang.

2. Ông Nông Văn T1 - Bí thư đoàn thanh niên xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt).

**- Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Nguyễn Văn P - Trợ giúp viên pháp lý tại Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B. (Có mặt).

**\* Người bị hại:**

1. Anh Nguyễn Hải Đ, sinh năm 2005. (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, S, TP Hà Nội.

2. Nguyễn Trọng H, sinh năm 1991. (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn N, T, V, Hưng Yên.

3. Ông Nguyễn Thị H1, sinh năm 2002. (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu I, xã T, P, Phú Thọ.

4. Đặng Tài Sinh T2, sinh năm 2005. (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn K, Đ, V, Yên Bái.

5. Đinh Văn T3, sinh năm 1998. (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Xóm E, G, G, Nam Định.

6. Hoàng Thị B, sinh năm 1987. (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn P, P, D, Tuyên Quang.

7. Ông Lê Khánh N, sinh năm 2001. (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Thành Lộc, Gia Tiên, Gia Lộc, Hải Dương

8. Lâm Ngọc C, sinh năm 2000. (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

9. Hoàng Văn V, sinh năm 1997. (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Xóm C, thôn Đ, Ư, N, Hải Dương.

10. Nguyễn Văn T4, sinh năm 1997. (Vắng mặt).

Nơi cư trú: TDP H, phường H, thị xã P, Thái Nguyên.

11. Lương Thị T5, sinh năm 2008. (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn A, A, TX. K, Hải Dương.

12. Trần Thị N1, sinh năm 1998. (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn V, V, S, Tuyên Quang.

13. Vũ Long N2, sinh năm 2002. (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn D, G, G, Ninh Bình.

14. Bùi Văn T6, sinh năm 1987. (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn G, T, B, Vĩnh Phúc.

15. Trần Văn L1, sinh năm 1984. (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Bình Danh, Bình Hợp, Quảng Xương, Thanh Hóa

16. Lê Quý H2, sinh năm 2003. (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Trường Quan, Bến Tắm, Chí Linh, Hải Dương

17. Hà Đức T7, sinh năm 2005. (Vắng mặt).

Nơi cư trú: TDP S, phường X, thành phố B.

18. Trần Văn H3, sinh năm 1999. (Vắng mặt).

- Nơi cư trú: Thôn C, Q, Ú, TP Hà Nội.
19. Phạm Tấn M, sinh năm 2002. (Vắng mặt).  
Nơi cư trú: Xóm Đ, Ngọc L2, Y, Hòa Bình.
20. Phùng Hoàng Q, sinh năm 2005. (Vắng mặt).  
Nơi cư trú: Xóm C, T, T, Phú Thọ.
21. Nguyễn Địch H4, sinh năm 2008. (Vắng mặt).  
Nơi cư trú: Khu G, V, C, Phú Thọ.
22. Hà Xuân Đ1, sinh năm 2002. (Vắng mặt).  
Nơi cư trú: Khu C, xã T, T, Phú Thọ..
23. Nguyễn Đức H5, sinh năm 2001. (Vắng mặt).  
Nơi cư trú: Số B, ngõ B B, phường C, Q. H, TP Hà Nội.
24. Nguyễn Đình T8, sinh năm 1983. (Vắng mặt).  
Nơi cư trú: Số nhà C, Lương Đắc B1, P. Đ, TP T.
25. Nguyễn Thị A, sinh năm 1993. (Vắng mặt).  
Nơi cư trú: Thôn 3, xã Nông Trường, Triệu Sơn, Thanh Hóa
26. Trần Văn T9, sinh năm 1980. (Vắng mặt).  
Nơi cư trú: Thôn M, N, N, Hải Dương.
27. Nguyễn Đức Q1, sinh năm 1993. (Vắng mặt).  
Nơi cư trú: Thôn H, T, TX K, tỉnh Hải Dương.
28. Hoàng Thị T10, sinh năm 1991. (Vắng mặt).  
Nơi cư trú: Tổ A, Thị trấn N, V, Hà Giang.
29. Nguyễn Thị Hồng N3, sinh năm 2001. (Vắng mặt).  
Nơi cư trú: Thôn H, Hồ N, T, Hải Dương
30. Nguyễn Văn M1, sinh năm 1992. (Vắng mặt).  
Nơi cư trú: TDP M, phường N, TX V, tỉnh Bắc Giang.
- \* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**
1. Vũ Xuân N4, sinh năm 1989. (Vắng mặt).  
Nơi cư trú: Thôn H, Y, G, Hải Dương.
2. Mai Văn S1, sinh năm 1998  
Nơi cư trú: TDP phố B, thị trấn B, L, Bắc Giang.
3. Hoàng Thị L, sinh năm 1983  
Nơi cư trú: Thôn N, Tuấn Đ2, S, Bắc Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phùng Minh T, sinh ngày 18/05/2007, trú tại thôn N, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang là đối tượng, không có công việc ổn định. Để có tiền chi tiêu cá nhân T nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng hình thức sử dụng mạng xã hội

Facebook, Zalo đăng hình ảnh các xe mô tô, xe máy và giao bán. Khi có người hỏi mua T sẽ yêu cầu chuyển tiền đặt cọc và tiền ship xe qua tài khoản Ngân hàng cho T, sau khi nhận được tiền T chặn Facebook, Z, số điện thoại và xóa dữ liệu cuộc gọi, tin nhắn, không gửi xe trả cho người mua và chiếm đoạt số tiền đã đặt cọc.

Thực hiện ý định trên khoảng tháng 08/2023, T sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A11, màu đen, số Imei 1: 355628113482993; Imei 2: 355630113482991, lắp sim số 0966885769 của mình để đăng ký tài khoản Facebook tên “Xe Máy Tuấn M2”, tài khoản Zalo tên “Minh T”. T dùng căn cước công dân của mẹ đẻ T là Hoàng Thị L, sinh năm 1983, trú tại thôn N, xã T, huyện S để đăng ký tài khoản Ngân hàng Q2 (MB) số tài sản 0369731911. Sau đó T vào mạng Facebook tìm kiếm kiếm các trang mua bán xe mô tô, xe máy rồi tải các hình ảnh xe mô tô, xe máy về sau đó đăng tải các hình ảnh lên Facebook, Zalo của mình để rao bán xe với giá rẻ. Khi có người hỏi mua T dùng số điện thoại 0966885769 để liên lạc, dùng tài khoản Zalo “Minh T” kết bạn với người mua và gửi hình ảnh các xe để người mua lựa chọn, sau khi thỏa thuận mua bán xe, T yêu cầu người mua phải chuyển khoản đặt cọc trước một số tiền mua xe cho T đến tài khoản Ngân hàng TMCP Q2 số 0369731911 của T và hứa hẹn sẽ giao xe sau. Khi người mua chuyển tiền đặt cọc mua xe T nhận được thì T chặn Facebook, Z, số điện thoại và xóa dữ liệu cuộc gọi, tin nhắn, không gửi xe trả cho người mua và chiếm đoạt số tiền đã đặt cọc.

Bảng thủ đoạn gian dối nêu trên, trong thời gian từ ngày 01/4/2024 đến ngày 04/12/2024, T đã lừa đảo chiếm đoạt của 32 người với tổng số tiền 24.574.000 đồng, cụ thể như sau:

1. Ngày 01/4/2024, anh Nguyễn Hải Đ, sinh năm 2005, trú tại thôn T, xã T, huyện S, TP Hà Nội chuyển khoản cho T số tiền 1.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng Q2 chuyển đến số tài khoản Ngân hàng TMCP Q2 của T để đặt cọc mua xe mô tô của T và bị T chiếm đoạt.

2. Ngày 01/4/2024, anh Nguyễn Trọng H, sinh năm 1991, trú tại thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên chuyển số tiền 950.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng TMCP Q2 đến số tài khoản Ngân hàng TMCP Q2 số 0369731911 của T để đặt cọc mua xe mô tô của T và bị T chiếm đoạt.

3. Ngày 11/4/2024, chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 2002, trú tại khu I, xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ chuyển số tiền 100.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng TMCP C1 số 101872054012 đến số tài khoản Ngân hàng TMCP Q2 số 0369731911 của T để đặt cọc mua xe mô tô của T và bị T chiếm đoạt.

4. Ngày 15/4/2024, anh Đặng Tài Sinh T2, sinh năm 2005, trú tại thôn K, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái chuyển số tiền 410.000 đồng từ tài khoản Ngân

hàng TMCP N5 số 1039684610 đến số tài khoản Ngân hàng TMCP Q2 số 0369731911 của T để đặt cọc mua xe mô tô của T và bị T chiếm đoạt.

5. Ngày 22/4/2024, anh Đinh Văn T3, sinh năm 1998, trú tại xóm E, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định chuyển số tiền 200.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng TMCP C1 số 104002883311 đến số tài khoản Ngân hàng TMCP Q2 số 0369731911 của T để đặt cọc mua xe mô tô của T và bị T chiếm đoạt.

6. Ngày 24/4/2024, chị Hoàng Thị B, sinh năm 1987, trú tại thôn P, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang chuyển số tiền 360.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng TMCP C1 số 101876944969 đến số tài khoản Ngân hàng TMCP Q2 số 0369731911 của T để đặt cọc mua xe mô tô của T và bị T chiếm đoạt.

7. Ngày 01/5/2024, anh Vũ Xuân N4, sinh năm 1989, trú tại thôn H, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương chuyển số tiền 200.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng TMCP N5 số 0341000667086 đến số tài khoản Ngân hàng TMCP Q2 số 0369731911 của T để đặt cọc mua xe mô tô của T và bị T chiếm đoạt.

8. Ngày 02/5/2024, anh Lê Khánh N, sinh năm 2001, trú tại thôn T, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương chuyển số tiền 200.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng TMCP C1 số 106871072176 đến số tài khoản Ngân hàng TMCP Q2 số 0369731911 của T để đặt cọc mua xe mô tô của T và bị T chiếm đoạt.

9. Ngày 02/5/2024, Lâm Ngọc C, sinh năm 2000, trú tại ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau chuyển số tiền 500.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng TMCP Đ3 số 7800398330 đến số tài khoản Ngân hàng TMCP Q2 số 0369731911 của T để đặt cọc mua xe mô tô của T và bị T chiếm đoạt.

10. Ngày 06/5/2024, anh Hoàng Văn V, sinh năm 1997, trú tại xóm C, thôn Đ, xã Ú, huyện N, tỉnh Hải Dương chuyển số tiền 190.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng TMCP N5 số 9923997456 đến số tài khoản Ngân hàng TMCP Q2 số 0369731911 của T để đặt cọc mua xe mô tô của T và bị T chiếm đoạt.

11. Ngày 07/5/2024, anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1995, trú tại TDP H, phường H, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên chuyển số tiền 100.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng TMCP Đ3 số 8831916929 đến số tài khoản Ngân hàng TMCP Q2(MB) số 0369731911 của T để đặt cọc mua xe mô tô của T và bị T chiếm đoạt.

12. Ngày 15/5/2024, chị Lương Thị T5, sinh năm 2008, trú tại thôn A, xã A, TX K, tỉnh Hải Dương chuyển số tiền 39.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng TMCP Q2 đến số tài khoản Ngân hàng TMCP Q2 số 0369731911 của T để đặt cọc mua xe mô tô của T và bị T chiếm đoạt.

13. Ngày 20/5/2024, chị Trần Thị N1, sinh năm 1998, trú tại thôn V, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang số tiền 85.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng TMCP

C1 số 102871707232 đến số tài khoản Ngân hàng TMCP Q2 số 0369731911 của T để đặt cọc mua xe mô tô của T và bị T chiếm đoạt.

14. Ngày 28/5/2024, anh Vũ Long N2, sinh năm 2002, trú tại thôn D, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình chuyển số tiền là 245.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng TMCP N5 số 10229499186 đến số tài khoản Ngân hàng TMCP Q2 số 0369731911 của T để đặt cọc mua xe mô tô của T và bị T chiếm đoạt.

15. Ngày 29/5/2024, anh Bùi Văn T6, sinh năm 1987, trú tại thôn G, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc chuyển số tiền 235.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng TMCP Q2 đến số tài khoản Ngân hàng TMCP Q2 số 0369731911 của T để đặt cọc mua xe mô tô của T và bị T chiếm đoạt.

16. Ngày 03/6/2024, anh Trần Văn L1, sinh năm 1984, trú tại thôn B, xã B, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa chuyển số tiền 225.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng TMCP C1 số 105878957059 đến số tài khoản Ngân hàng TMCP Q2 số 0369731911 của T để đặt cọc mua xe mô tô của T và bị T chiếm đoạt.

17. Ngày 06/6/2024, anh Lê Quý H2, sinh năm 2003, trú tại thôn T, phường B, Thành phố C, tỉnh Hải Dương chuyển số tiền 360.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng TMCP Q2 đến số tài khoản Ngân hàng TMCP Q2 số 0369731911 của T để đặt cọc mua xe mô tô của T và bị T chiếm đoạt.

18. Ngày 06/6/2024, anh Hà Đức T7, sinh năm 2005, trú tại TDP S, phường X, thành phố B chuyển số tiền 1.560.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng TMCP N5 số 9329915959 đến số tài khoản Ngân hàng TMCP Q2 số 0369731911 của T để đặt cọc mua xe mô tô của T và bị T chiếm đoạt.

19. Ngày 17/6/2024, anh Trần Văn H3, sinh năm 1999, trú tại thôn C, xã Q, huyện Ú, TP Hà Nội chuyển số tiền 160.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng TMCP Q2 đến số tài khoản Ngân hàng TMCP Q2 số 0369731911 của T để đặt cọc mua xe mô tô của T và bị T chiếm đoạt.

20. Ngày 19/6/2024, anh Phạm Tấn M, sinh năm 2002, trú tại xóm Đ, xã N, huyện Y, tỉnh Hòa Bình chuyển số tiền là 285.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng TMCP C1 số 107875266396 đến số tài khoản Ngân hàng TMCP Q2 số 0369731911 của T để đặt cọc mua xe mô tô của T và bị T chiếm đoạt.

21. Ngày 27/6/2024, anh Phùng Hoàng Q, sinh năm 2005, trú tại xóm C, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ chuyển số tiền 485.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng TMCP C1 số 100881920487 chuyển đến số tài khoản Ngân hàng TMCP Q2 của T để đặt cọc mua xe mô tô của T và bị T chiếm đoạt.

22. Ngày 01/7/2024, anh Nguyễn Địch H4, sinh năm 2008, trú tại khu G, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ chuyển số tiền 185.000 đồng từ tài khoản Ngân

hàng TMCP K số 3354797648 chuyển đến số tài khoản Ngân hàng TMCP Q2 của T để đặt cọc mua xe mô tô của T và bị T chiếm đoạt.

23. Ngày 05/7/2024, anh Hà Xuân Đ1, sinh năm 2002, trú tại khu C, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ chuyển số tiền 200.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng TMCP T12 đến số tài khoản Ngân hàng TMCP Q2 số 0369731911 của T để đặt cọc mua xe mô tô của T và bị T chiếm đoạt.

24. Ngày 15/7/2024, anh Nguyễn Đức H5, sinh năm 2001, trú tại số B, ngõ B B, phường C, Q. H, TP Hà Nội chuyển số tiền là 600.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng TMCP Q2 đến số tài khoản Ngân hàng TMCP Q2 số 0369731911 của T để đặt cọc mua xe mô tô của T và bị T chiếm đoạt.

25. Ngày 17/7/2024, anh Nguyễn Đình T8, sinh năm 1983, trú tại số nhà C L, P. Đ, TP T, tỉnh Thanh Hóa chuyển số tiền 1.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng TMCP Đ3 chuyển đến số tài khoản Ngân hàng TMCP Q2 của T để đặt cọc mua xe mô tô của T và bị T chiếm đoạt.

26. Ngày 30/7/2024, chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1993, trú tại thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa chuyển số tiền 400.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng TMCP S3 số 030091851802 đến số tài khoản Ngân hàng TMCP Q2 số 0369731911 của T để đặt cọc mua xe mô tô của T và bị T chiếm đoạt.

27. Ngày 26/8/2024, tài khoản của anh Mai Văn S1, sinh năm 1998, trú tại T, thị trấn B, huyện L, tỉnh Bắc Giang chuyển số tiền 3.500.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng TMCP Q2 đến số tài khoản Ngân hàng TMCP Q2 của T và bị T chiếm đoạt.

28. Ngày 28/10/2024, anh Trần Văn T11, sinh năm 1980, trú tại thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương chuyển số tiền 300.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng N6 số 2303205172501 đến số tài khoản Ngân hàng TMCP Q2 số 0369731911 của T để đặt cọc mua xe mô tô của T và bị T chiếm đoạt.

29. Ngày 31/10/2024, anh Nguyễn Đức Q1, sinh năm 1993, trú tại thôn H, xã T, TX K, tỉnh Hải Dương chuyển số tiền 3.500.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng TMCP K số 9322222666 đến số tài khoản Ngân hàng TMCP Q2 số 0369731911 của T để đặt cọc mua xe mô tô của T và bị T chiếm đoạt.

30. Ngày 05/11/2024, chị Hoàng Thị T10, sinh năm 1991, trú tại thị trấn N, huyện V, tỉnh Hà Giang chuyển số tiền 2.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng TMCP Đ3 số 3450291588 đến số tài khoản Ngân hàng TMCP Q2 số 0369731911 của T để đặt cọc mua xe mô tô của T và bị T chiếm đoạt.

31. Ngày 07/11/2024, chị Nguyễn Thị Hồng N3, sinh năm 2001, trú tại thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương số tiền 3.000.000 đồng từ tài khoản

Ngân hàng TMCP Đ3 số 6701633315 đến số tài khoản Ngân hàng TMCP Q2 số 0369731911 của T để đặt cọc mua xe mô tô của T và bị T chiếm đoạt.

32. Ngày 04/12/2024, anh Nguyễn Văn M1, sinh năm 1992, trú tại: TDP M, thị trấn N, TX V, tỉnh Bắc Giang chuyển số tiền 2.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng N5 số 9402719999 đến số tài khoản Ngân hàng TMCP Q2 số 0369731911 của T để đặt cọc mua xe mô tô của T và bị T chiếm đoạt. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt được T đã chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi chuyển tiền đặt cọc mua xe của T nhưng không thấy T giao xe và T chặn Facebook, Zalo, điện thoại, ngày 14/12/2024, anh Nguyễn Văn M1 đã làm đơn trình báo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B.

Ngày 15/12/2024, Phùn Minh T đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Ngày 15/12/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã ra Lệnh khám xét nơi ở của Phùn Minh T ở thôn N, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Quá trình khám xét không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì liên quan đến hành vi phạm tội của T. Cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã chuyển toàn bộ hồ sơ, tài liệu cùng Phùn Minh T đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S để điều tra theo thẩm quyền.

Đối với bà Hoàng Thị L (là mẹ đẻ của T), T đã lấy Căn cước công dân của bà L để đăng ký tài khoản Ngân hàng TMCP Q2 để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Quá trình điều tra xác định khi T lấy Căn cước công dân của bà L đi đăng ký tài khoản ngân hàng bà L không biết nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với số tiền 200.000 đồng, ngày 01/5/2024 do tài khoản của anh Vũ Xuân N4, sinh năm 1989, trú tại thôn H, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương chuyển đến tài khoản của T sau đó T chiếm đoạt. Quá trình điều tra anh N4 khai, anh là người làm dịch vụ chuyển tiền, hàng ngày có nhận chuyển khoản tiền cho nhiều người anh không nhớ ngày 01/5/2024 ai nhờ chuyển số tiền 200.000 đồng nên không xác định được ai là người bị hại của số tiền này.

Đối với số tiền 3.500.000 đồng, ngày 26/8/2024 chuyển từ số tài khoản của anh Mai Văn S1, sinh năm 1998, trú tại TDP P, thị trấn B, huyện L, tỉnh Bắc Giang chuyển đến tài khoản của T sau đó T chiếm đoạt. Quá trình điều tra anh S1 khai, anh là người làm dịch vụ chuyển tiền, hàng ngày có nhận chuyển khoản tiền cho nhiều người anh không nhớ ngày 26/8/2024 ai nhờ anh chuyển số tiền này nên không xác định được ai là người bị hại của số tiền này.

*Về trách nhiệm dân sự:*

Những người bị hại: Nguyễn Văn M1, Phạm Duy H6, Nguyễn Thị A, Hà Đức T7, Nguyễn Hải Đ, Hoàng Văn V yêu cầu Phùn Minh T phải trả lại toàn bộ số tiền đã bị T chiếm đoạt. Đến nay T chưa bồi thường được khoản tiền nào.

Những người bị hại: Đinh Văn T3, Nguyễn Đình T8, Trần Văn T11, Lương Thị T5, đều không yêu cầu T phải trả lại số tiền đã bị chiếm đoạt.

Đối với những người bị hại: Nguyễn Thị H1, Lê Khánh N, Phạm Tấn M, Trần Văn L1, Bùi Văn T6, Đặng Tài Sinh T2, Trần Thị N1, Vũ Long N2, Trần Văn H3, Lâm Ngọc C, Nguyễn Đức Q1, Nguyễn Trọng H, Nguyễn Dịch H4, Phùng Hoàng Q, Lê Quý H2, Nguyễn Văn T4, Hoàng Thị T10, Hà Xuân Đ1. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng những người này không có mặt tại địa phương nên chưa lấy lời khai được.

*Về vật chứng của vụ án:* Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A11, màu đen, số Imei 1:355628113482993, Imei 2: 355630113482991, lắp số 0966885769 do Phùn Minh T giao nộp. Chuyển đến kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Động để xử lý theo quy định.

\* Tại phiên tòa bị cáo khai nhận đúng như nội dung bản kết luận điều tra và Cáo trạng truy tố các bị cáo, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo và người có quyền nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Tại bản Cáo trạng số: 20/CT-VKS-HS ngày 13 tháng 5 năm 2025 Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Phùn Minh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích, tính chất vụ án và giữ nguyên Cáo trạng truy tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo: Phùn Minh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Về trách nhiệm hình sự:

1. Áp dụng khoản 1, Điều 174 ; Điều 38; điểm s, khoản 1, Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Khoản 1 Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên. Xử phạt bị cáo Phùn Minh T từ 06 tháng đến 08 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi số ngày tạm giữ (từ ngày 16/12/2024 đến ngày 25/12/2024). Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A11, màu đen, số Imei 1:355628113482993, Imei 2: 355630113482991, lắp số 0966885769 .

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 30 BLTTHS; Điều 584; Điều 585; Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Phùn Minh T bồi thường cho:

1/ Anh Nguyễn Văn M1, sinh năm 1992, trú tại: TDP M, thị trấn N, TX V, tỉnh Bắc Giang số tiền 2.000.000.

2/ Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1993, trú tại thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa số tiền 400.000.

3/ Anh Hà Đức T7, sinh năm 2005, trú tại TDP S, phường X, thành phố B số tiền 1.560.000 đồng.

4/ Anh Nguyễn Hải Đ, sinh năm 2005, trú tại thôn T, xã T, huyện S, TP Hà Nội số tiền 1.000.000 đồng.

5/ Anh Hoàng Văn V, sinh năm 1997, trú tại xóm C, thôn Đ, xã Ú, huyện N, tỉnh Hải Dương số tiền 190.000 đồng.

6/ Nguyễn Trọng H, sinh năm 1991, trú tại thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên chuyển số tiền 950.000 đồng.

Tách phần bồi thường của những người bị hại gồm: Nguyễn Thị H1, Lê Khánh N, Phạm Tấn M, Trần Văn L1, Bùi Văn T6, Đặng Tài Sinh T2, Trần Thị N1, Vũ Long N2, Trần Văn H3, Lâm Ngọc C, Nguyễn Đức Q1, Nguyễn Trọng H, Nguyễn Địch H4, Phùng Hoàng Q, Lê Quý H2, Nguyễn Văn T4, Hoàng Thị T10, Hà Xuân Đ1 khi nào có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Miễn án phí hình sự sơ thẩm.

\* Người bào chữa cho bị cáo Phùn Minh T trình bày ý kiến tranh luận: Nhất trí với tội danh và điều luật áp dụng đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Thực hiện lời nói sau cùng: Bị cáo Phùn Minh T đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Công an tỉnh B, Điều tra viên, Viện kiểm nhân dân huyện S, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra và truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa các bị cáo không khiếu kiện, khiếu nại về hành vi, Quyết định của các Cơ quan và những người tiến hành tố tụng như vậy là hợp pháp.

[2] Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy người bị hại, người liên quan có lời khai trong hồ sơ vụ án. Xét thấy việc vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người này.

[3] Về chứng cứ xác định bị cáo có tội và áp dụng pháp luật hình sự đối với bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo Phùn Minh T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng và Kết luận điều tra. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng tang vật chứng thu được và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy đã có đủ cơ sở kết luận do không có tiền chi tiêu cá nhân, bị cáo T đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác bằng việc đăng thông tin rao bán xe mô tô, xe máy lên facebook, Zalo của mình để người mua tin tưởng và chuyển đặt cọc tiền mua xe mô tô, xe máy cho T. Khi người mua chuyển tiền đặt cọc mua xe mô tô, xe máy cho T thì T chặn Facebook, Z, số điện thoại và xóa dữ liệu cuộc gọi, tin nhắn, không gửi xe trả cho người mua và chiếm đoạt số tiền đã đặt cọc. Từ ngày 01/4/2024 đến ngày 04/12/2024, T đã lừa đảo chiếm đoạt của 32 người với tổng số tiền 24.574.000 đồng.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo, lời khai báo của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở xác định hành vi nêu trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1, Điều 134- Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động và bản Luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đã truy tố bị cáo Phùn Minh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1, Điều 174- Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[4] Về tính chất vụ án, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

[4.1] Về tính chất vụ án: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương cần phải xử lý nghiêm theo quy định của Bộ luật Hình sự để giáo dục, răn đe và phòng ngừa.

[4.2] Về nhân thân: Bị cáo Phùn Minh T là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai, báo ăn năn hối cải nên đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phùn Minh T chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

[5] Về hình phạt: Sau khi xem xét toàn bộ nội dung vụ án, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Để có tiền chi tiêu cá nhân, bị cáo đã lợi dụng niềm tin của chủ sở hữu để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội liên tục trong một thời gian để lấy tiền chi tiêu cá nhân. Điều đó thể hiện bị cáo là người coi thường pháp luật, ham chơi, lười lao động, muốn hưởng lợi từ sức lao động của người khác luật, nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát để cải tạo bị cáo thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là người chưa thành niên, không có công việc ổn định, không có tài sản đáng giá nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[7] Đối với bà Hoàng Thị L (là mẹ đẻ của T): Do bị cáo T đã tự ý lấy Căn cước công dân của bà L để đăng ký tài khoản Ngân hàng TMCP Q2 để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Quá trình điều tra xác định khi T lấy Căn cước công dân của bà L đi đăng ký tài khoản ngân hàng bà L không biết, không liên quan nên không có căn cứ để xử lý.

[8] Đối với anh Vũ Xuân N4, sinh năm 1989, trú tại thôn H, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương: Là người chuyển số tiền 200.000 đồng, vào ngày 01/5/2024 đến tài khoản của T sau đó T chiếm đoạt. Quá trình điều tra anh N4 khai, anh là người làm dịch vụ chuyển tiền, hàng ngày có nhận chuyển khoản tiền cho nhiều

người anh không nhớ ngày 01/5/2024 ai nhờ chuyển số tiền 200.000 đồng nên không xác định được ai là người bị hại của số tiền này.

[9] Đối với anh Mai Văn S1, sinh năm 1998, trú tại TDP P, thị trấn B, huyện L, tỉnh Bắc Giang: Là người chuyển số tiền 3.500.000 đồng vào ngày 26/8/2024 đến tài khoản của T sau đó T chiếm đoạt. Quá trình điều tra anh S1 khai, anh là người làm dịch vụ chuyển tiền, hàng ngày có nhận chuyển khoản tiền cho nhiều người anh không nhớ ngày 26/8/2024 ai nhờ anh chuyển số tiền này nên không xác định được ai là người bị hại của số tiền này.

[10] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Nguyễn Văn M1, sinh năm 1992, trú tại: TDP M, thị trấn N, TX V, tỉnh Bắc Giang yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.000.000; chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1993, trú tại: Thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 400.000; anh Hà Đức T7, sinh năm 2005, trú tại: TDP S, phường X, thành phố B yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.560.000 đồng; Anh Nguyễn Hải Đ, sinh năm 2005, trú tại thôn T, xã T, huyện S, TP Hà Nội yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.000.000 đồng; Anh Hoàng Văn V, sinh năm 1997, trú tại: Xóm C, thôn Đ, xã Ú, huyện N, tỉnh Hải Dương yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 190.000 đồng; Anh Nguyễn Trọng H, sinh năm 1991, trú tại: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 950.000 đồng do vậy cần buộc bị cáo bồi thường cho người có tên trên

Anh Đinh Văn T3, Nguyễn Đình T8, Trần Văn T11, Lương Thị T5, không yêu cầu T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với những người bị hại: Nguyễn Thị H1, Lê Khánh N, Phạm Tấn M, Trần Văn L1, Bùi Văn T6, Đặng Tài Sinh T2, Trần Thị N1, Vũ Long N2, Trần Văn H3, Lâm Ngọc C, Nguyễn Đức Q1, Nguyễn Trọng H, Nguyễn Dịch H4, Phùng Hoàng Q, Lê Quý H2, Nguyễn Văn T4, Hoàng Thị T10, Hà Xuân Đ1 cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng những người này không có mặt tại địa phương nên tách ra khi nào những người này có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác là phù hợp với Điều 30 BLTTHS năm 2015.

[11] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A11, màu đen, số Imei 1:355628113482993, Imei 2: 355630113482991, lắp số 0966885769 do Phùn Minh T giao nộp là công cụ phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

[12] Về án phí: Bị cáo Phùn Minh T là người dân tộc, sống ở vùng khó khăn nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1, Điều 174; điểm s, khoản 1, Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự; Khoản 1 Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên; Điều 331; Điều 333; Điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Phùn Minh T 06 (S2) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi số ngày tạm giữ. ( từ ngày 16/12/2024 đến ngày 25/12/2024).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A11, màu đen, số Imei 1:355628113482993, Imei 2: 355630113482991, lắp số 0966885769.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 30 BLTTHS; Điều 584; Điều 585; Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Phùn Minh T phải bồi thường cho người có tên sau:

1/ Anh Nguyễn Văn M1, sinh năm 1992, trú tại: TDP M, thị trấn N, TX V, tỉnh Bắc Giang số tiền 2.000.000.

2/ chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1993, trú tại thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa số tiền 400.000;

3/ Anh Hà Đức T7, sinh năm 2005, trú tại TDP S, phường X, thành phố B số tiền 1.560.000 đồng;

4/ Anh Nguyễn Hải Đ, sinh năm 2005, trú tại thôn T, xã T, huyện S, TP Hà Nội số tiền 1.000.000 đồng.

5/ Anh Hoàng Văn V, sinh năm 1997, trú tại xóm C, thôn Đ, xã Ứ, huyện N, tỉnh Hải Dương số tiền 190.000 đồng.

6/ Nguyễn Trọng H, sinh năm 1991, trú tại thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên chuyển số tiền 950.000 đồng.

Tách phần bồi thường của những người bị hại gồm: Nguyễn Thị H1, Lê Khánh N, Phạm Tấn M, Trần Văn L1, Bùi Văn T6, Đặng Tài Sinh T2, Trần Thị N1, Vũ Long N2, Trần Văn H3, Lâm Ngọc C, Nguyễn Đức Q1, Nguyễn Trọng H, Nguyễn Địch H4, Phùng Hoàng Q, Lê Quý H2, Nguyễn Văn T4, Hoàng Thị T10, Hà Xuân Đ1 khi nào có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, đến thời hạn thanh toán, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành án không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tiền trên số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Sơn Động;
- Công an huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- UBND xã Tuấn Đạo, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;
- Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Hiếu**